

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại ngân hàng trung ương nhiều nước sẽ phải thắt chặt chính sách tiền tệ sớm hơn dự kiến để kiềm chế đà tăng lạm phát

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, HVN

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi hạ tỷ trọng trong nhịp hồi phục, NĐT có thể linh hoạt mở lại 1 phần vị thế trading khi VNIndex quay xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

22/11/2021

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,447.25 | -0.35 |
| VN30 | 1,517.04 | +1.13 |
| HĐTL VN30F1M | 1,512.50 | +0.67 |
| HNXIndex | 444.62 | -2.06 |
| HNX30 | 733.85 | -1.95 |
| UPCoM | 111.96 | -1.13 |
| USD/VND | 22,668 | +0.08 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.08 | +0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.60 | +6 |
| Dầu (WTI, \$) | 76.28 | +0.24 |
| Vàng (LME, \$) | 1,846.59 | +0.05 |



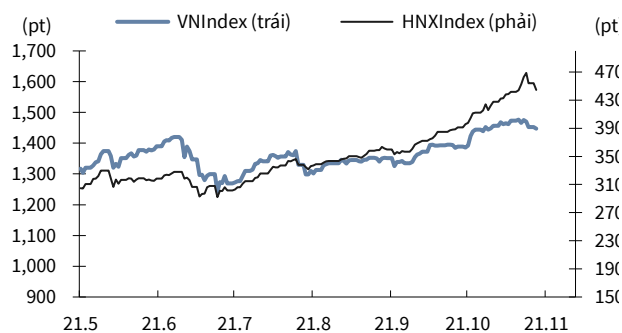
Điểm nhấn thị trường

| | |
|--------------------------|--------------------------|
| VNIndex | 1,447.25 (-0.35%) |
| KLGD (triệu CP) | 1,269.0 (-12.6%) |
| GTGD (triệu US\$) | 1,613.6 (-18.4%) |
| HNXIndex | 444.62 (-2.06%) |
| KLGD (triệu CP) | 184.9 (-29.7%) |
| GTGD (triệu US\$) | 212.5 (-24.6%) |
| UPCoM | 111.96 (-1.13%) |
| KLGD (triệu CP) | 187.2 (-45.3%) |
| GTGD (triệu US\$) | 132.9 (-37.3%) |

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +25.0

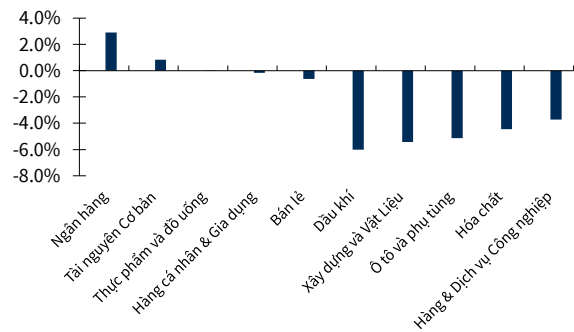
TTCK giảm điểm tương đồng với thị trường chứng khoán thế giới khi các nhà đầu tư lo ngại ngân hàng trung ương nhiều nước sẽ phải thắt chặt chính sách tiền tệ sớm hơn dự kiến để kiềm chế đà tăng lạm phát. Cơ quan Năng lượng Quốc tế IEA dự báo giá dầu Brent giảm về mức khoảng 71.5 USD/thùng trong năm 2021, giá cổ phiếu dầu khí giảm ở PVD (-6.8%), PVS (-5.7%). Hiệp hội chăn nuôi Đồng Nai cho biết hiện nay lượng cung vẫn cao hơn cầu nhiều khiến giá heo hơi xuống thấp, giá cổ phiếu heo giảm ở MML (-5.2%). Reuters cho biết giá gạo Việt Nam suy giảm tương đồng với giá gạo thế giới vì nhu cầu suy yếu từ châu Phi, giá cổ phiếu ngành gạo giảm ở LTG (-6%), TAR (-8.8%). Khối ngoại mua ròng ở VHM (+0.6%), CTG (+5.2%), GMD (-3.1%).

VNIndex & HNXIndex



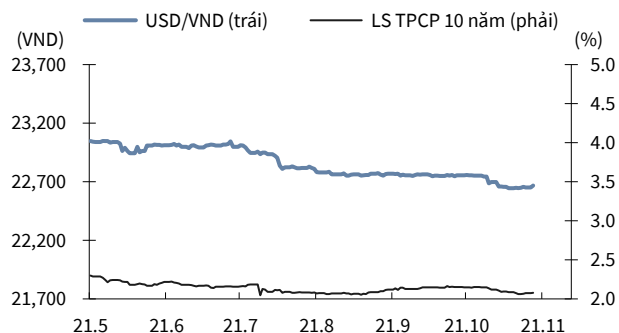
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

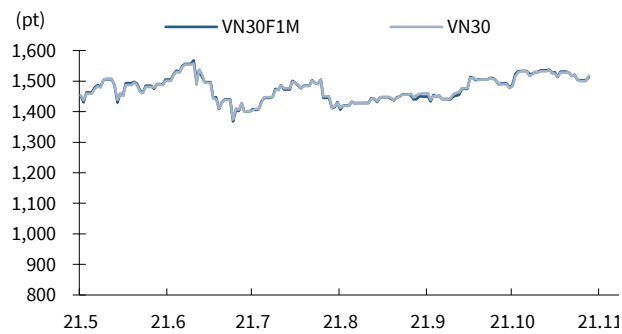
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,517.04 (+1.13%) |
| VN30F1M | 1,512.5 (+0.67%) |
| Mở cửa | 1,503.6 |
| Cao nhất | 1,521.9 |
| Thấp nhất | 1,498.4 |

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2112 và thị trường cơ sở mở cửa ở mức -3.45 điểm, sau đó bật tăng trở lại lên mức cao nhất trong ngày ở mức 12.34 điểm và đóng cửa ở mức 4.54 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

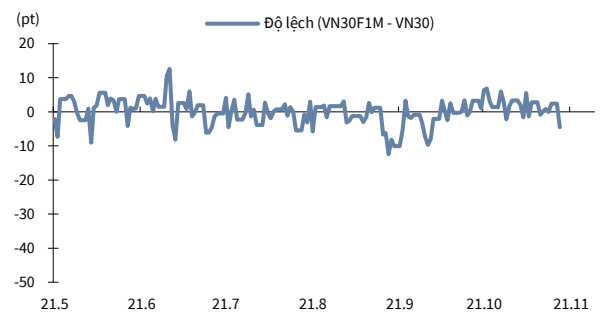
KLGD (HĐ) **150,677 (-6.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



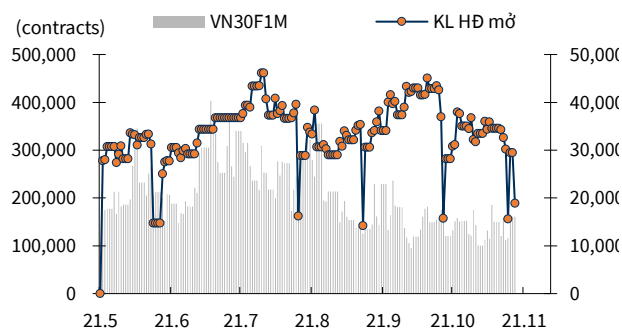
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



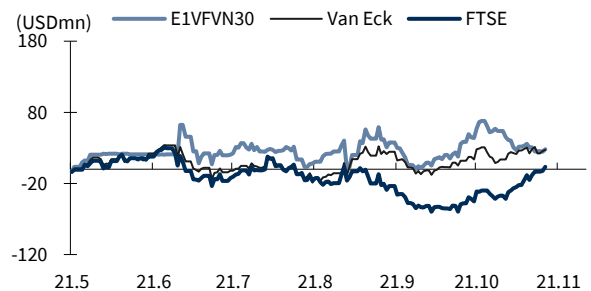
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

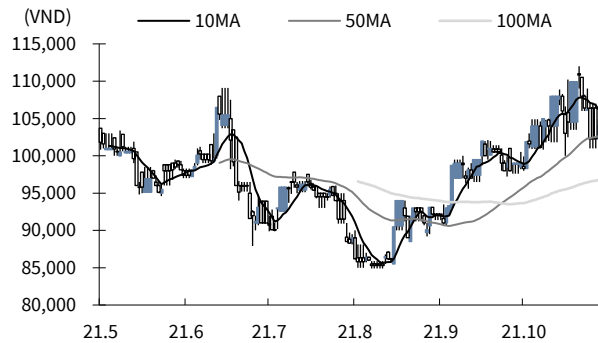
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

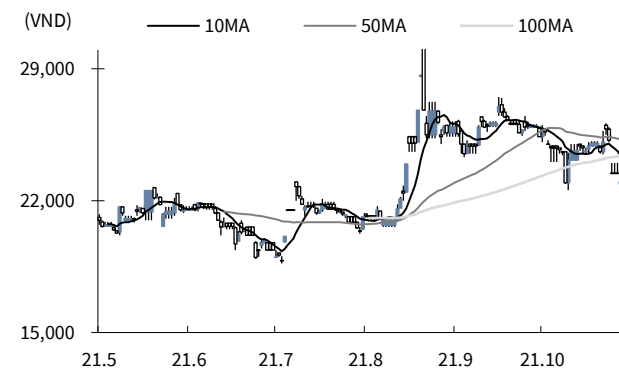
CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 1.7% lên 104,000 VND/cp
- Công ty Vàng bạc Phú Nhuận thông báo lợi nhuận sau thuế tháng 10 đạt 120 tỷ đồng (-31% YoY) nhưng lãi trở lại sau 3 tháng lỗ liên tiếp và doanh thu thuần đạt 2,080 tỷ đồng (+13.8% YoY).
- Lũy kế 10 tháng, đơn vị mở mới 18 cửa hàng PNJ Gold, đóng 18 của hàng PNJ Silver và 1 cửa hàng CAO. Trong khi nhân hàng Pandora đạt mốc 10 cửa hàng đầu tiên ở các thành phố lớn.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN giảm 1.9% xuống 23,000 VND/cp
- Vietnam Airlines ra mắt sàn thương mại điện tử VNAMALL với hơn 300 sản phẩm. Danh sách mặt hàng từ thực phẩm, nông sản, đồ uống đến quà tặng, vật phẩm đồng thương hiệu Vietnam Airlines. HVN cho biết việc triển khai sàn thương mại điện tử nhằm đa dạng hóa ngành hàng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bắt nhịp xu thế chuyển đổi số.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

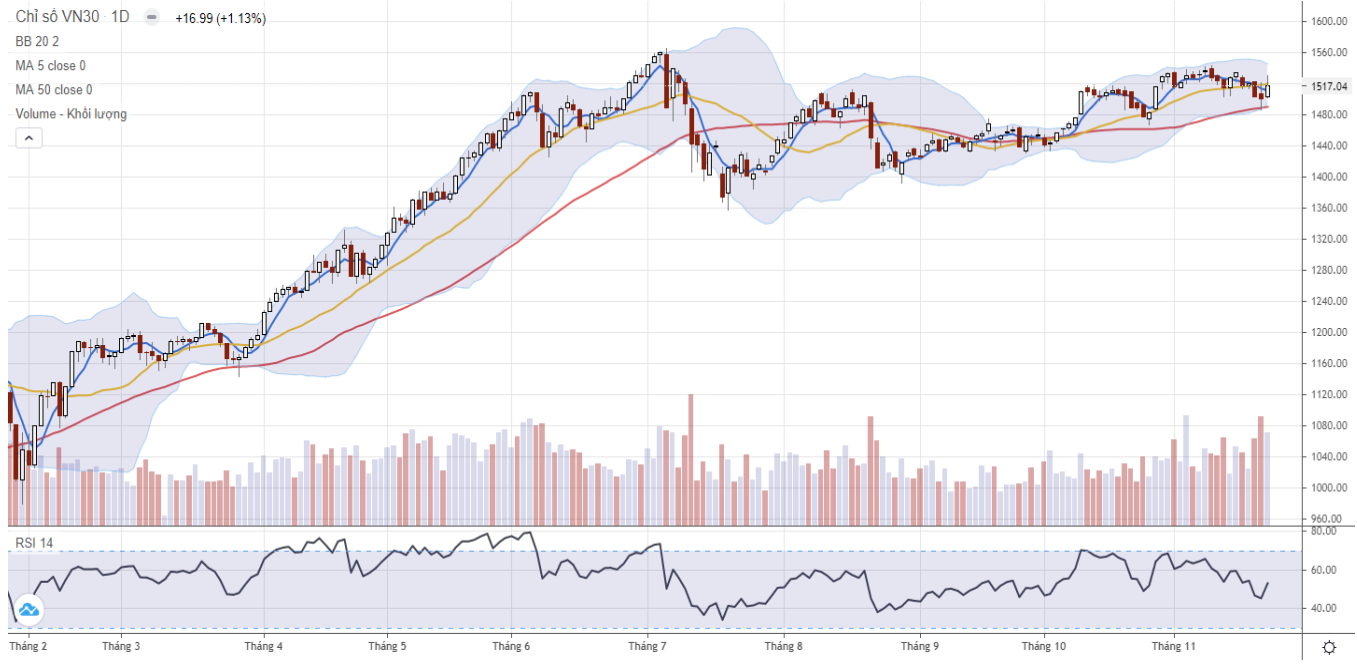
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



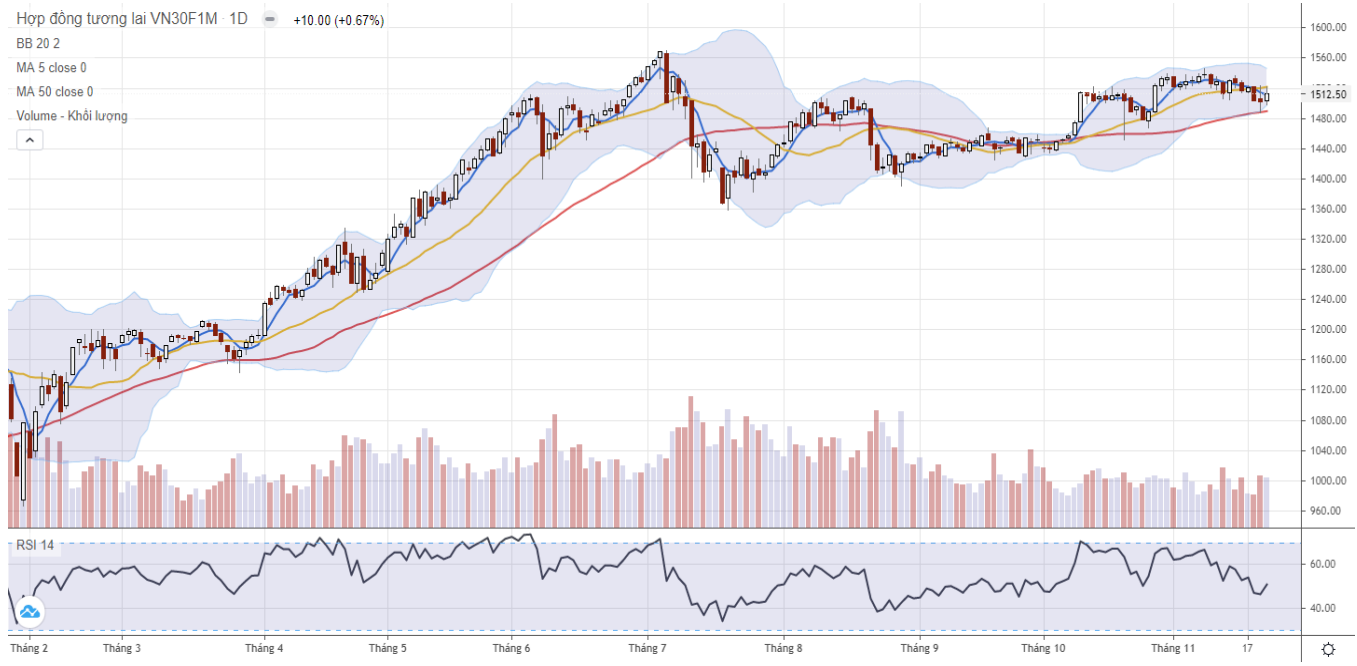
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến hồi phục giảm co với các nhịp tăng giảm đan xen trước khi có phần suy yếu về cuối phiên.
- Vùng hỗ trợ gần quanh 143x đã cho những phản ứng tích cực cùng với sự tiết giảm của áp lực cung giá thấp đã giúp chỉ số có nhịp hồi phục trong phiên và lấy lại trạng thái cân bằng hơn. Mặc dù vậy, diễn biến sớm đảo chiều giảm điểm gối đầu đã được cảnh báo và rủi ro mở rộng thêm nhịp điều chỉnh vẫn đang đứng ở mức cao trước khi chỉ số có cơ hội hồi phục trở lại tại vùng hỗ trợ quanh 1420 (+5), tương ứng với vùng đỉnh đầu tháng 7.
- Sau khi hạ tỷ trọng trong nhịp hồi phục, NĐT có thể linh hoạt mở lại 1 phần vị thế trading khi VNIndex quay xuống vùng hỗ trợ đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1523 - 1527

Kháng cự gần: 1516 - 1519

Hỗ trợ gần: 1504 - 1506

Hỗ trợ xa: 1495 - 1500

- F1 tăng điểm tích cực từ đầu phiên với biên độ mở rộng trước khi rung lắc và đánh mất một phần điểm số đạt được về cuối phiên.
- Với việc bảo vệ thành công vùng hỗ trợ gần quanh 149x, F1 nhiều khả năng sẽ còn trải qua áp lực rung lắc mạnh trước khi có cơ hội hồi phục trở lại một cách bền vững hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế Long tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đóng vị thế Long nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ xa và đứng ngoài quan sát thêm.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

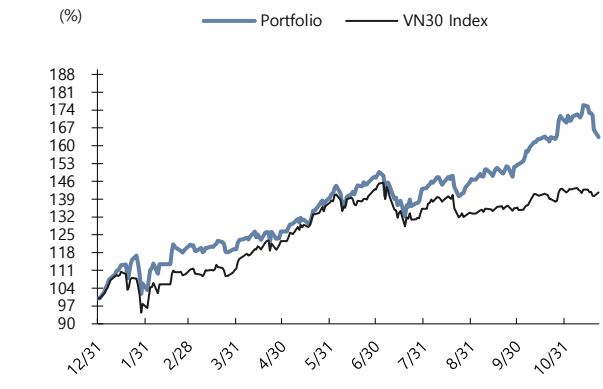
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 1.13% | -1.75% |
| Tăng lũy kế (YTD) | 41.68% | 63.39% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 22/11/2021 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|--------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 138,600 | -0.3% | 74.6% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Nam Long Invest (NLG) | 03/06/2019 | 57,800 | -6.9% | 171.1% | - NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 104,000 | 1.7% | 37.0% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tân Uyên (NTC) | 11/11/2021 | 186,500 | -3.6% | 0.0% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 64,500 | -3.9% | 108.5% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 95,000 | -0.3% | 230.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 34,500 | 5.2% | 67.9% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 102,100 | -3.7% | 61.6% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá đầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phát Group (HPG) | 04/12/2019 | 48,650 | 1.4% | 273.0% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbạc City Development (KBC) | 09/03/2020 | 46,500 | -7.0% | 286.9% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VHM | 0.6% | 23.0% | 137.0 |
| CTG | 5.2% | 24.9% | 82.2 |
| GMD | -3.1% | 40.0% | 74.7 |
| KBC | -7.0% | 15.5% | 69.1 |
| VIC | 0.0% | 13.6% | 57.4 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VPB | 1.4% | 15.3% | -170.8 |
| TPB | 6.9% | 29.8% | -117.9 |
| HCM | -3.4% | 46.6% | -18.5 |
| VNM | 0.1% | 54.6% | -67.2 |
| GEX | -7.0% | 9.0% | -10.4 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVI | -1.9% | 56.3% | 14.0 |
| THD | -1.7% | 1.6% | 3.0 |
| CLH | -3.9% | 2.2% | 1.2 |
| BAX | -0.7% | 13.5% | 0.8 |
| PCG | -8.4% | 41.5% | 0.7 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | -6.7% | 16.7% | -16.4 |
| BCC | -9.8% | 1.9% | -1.8 |
| DST | -10.0% | 1.7% | -1.2 |
| NVB | 4.4% | 8.4% | -1.0 |
| VHL | -1.2% | 2.3% | -0.9 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ngân hàng | 3.4% | BID, CTG |
| Dịch vụ tài chính | 2.2% | SSI, VND |
| Truyền thông | 0.4% | PNC, ADG |
| Bán lẻ | -0.1% | DGW, PIT |
| Ô tô và phụ tùng | -0.3% | TCH, CSM |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -11.4% | GAS, POW |
| Tài nguyên Cơ bản | -9.0% | HPG, HSG |
| Hóa chất | -8.8% | GVR, DPM |
| Dầu khí | -8.1% | PLX, PVD |
| Xây dựng và Vật Liệu | -4.4% | HT1, VGC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Ô tô và phụ tùng | 28.0% | TCH, HHS |
| Dịch vụ tài chính | 21.0% | VND, SSI |
| Xây dựng và Vật Liệu | 19.6% | VGC, VCG |
| Hàng & Dịch vụ Công nghiệp | 10.8% | GEX, TMS |
| Truyền thông | 9.6% | PNC, YEG |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -14.8% | HPG, HSG |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | -8.1% | GAS, PGD |
| Du lịch và Giải trí | -4.8% | HVN, VJC |
| Công nghệ thông tin | -1.2% | FPT, ELC |
| Hóa chất | 0.4% | GVR, DPM |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|------|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 205,975 (9.1) | 22.5 | 78.8 | 60.5 | 14.7 | 4.3 | 5.7 | 3.9 | 3.7 | 0.0 | -0.2 | 3.3 | -1.4 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 626,122 (27.6) | 26.6 | 10.3 | 8.8 | 35.9 | 32.9 | 28.3 | 2.9 | 2.3 | 0.6 | -3.6 | 3.8 | 17.7 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 256,157 (11.3) | 17.8 | 35.5 | 20.8 | -7.6 | 6.6 | 10.1 | 2.3 | 2.1 | -2.0 | -1.0 | -2.4 | -4.8 |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 60,068 | 86,712 (3,768) | 342,341 (15.1) | 31.3 | 35.3 | 20.7 | 6.7 | 18.0 | 16.3 | 4.2 | 3.5 | -0.1 | -1.4 | -1.2 | 112.3 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 170,212 (7.5) | 11.6 | 24.9 | 18.1 | 18.0 | 13.1 | 14.7 | 2.9 | 2.5 | -6.3 | - | -5.6 | 61.4 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 343,699 (15.1) | 13.9 | 14.2 | 10.0 | - | 15.3 | 17.9 | 2.1 | 1.7 | -7.0 | -8.5 | 9.8 | 78.1 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 102,000 | 378,305 (16,441) | 98,680 (4.3) | 6.3 | 17.7 | 14.3 | 11.7 | 20.2 | 20.6 | 3.2 | 2.6 | 1.8 | 1.1 | 4.8 | 0.9 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 43,400 | 174,556 (7,586) | 110,729 (4.9) | 12.7 | 20.4 | 15.4 | -5.3 | 13.2 | 16.0 | 2.1 | 2.0 | 2.6 | 6.4 | 15.9 | -4.9 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 1,003,043 (44.2) | 0.0 | 10.9 | 9.2 | 14.3 | 20.8 | 19.8 | 2.0 | 1.7 | 1.5 | 2.1 | 1.5 | 68.6 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 428,446 (18.9) | 1.4 | 10.7 | 8.8 | 61.1 | 18.4 | 19.9 | 1.6 | 1.4 | 5.2 | 6.2 | 16.4 | 28.9 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 350,397 (15.4) | 0.0 | 12.8 | 10.9 | 18.8 | 18.5 | 16.6 | 2.1 | 1.8 | 1.4 | 1.5 | -1.3 | 103.3 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 346,475 (15.3) | 0.0 | 9.2 | 7.6 | 14.6 | 22.0 | 22.4 | 1.7 | 1.4 | 3.2 | 2.1 | 4.7 | 73.0 |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 176,642 (7.8) | 4.2 | 11.6 | 10.1 | 23.3 | 22.1 | 21.1 | 2.2 | 1.8 | 7.0 | 12.0 | 31.6 | 70.0 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 489,968 (21.6) | 14.0 | 17.5 | 13.1 | 26.5 | 10.5 | 12.1 | 1.6 | 1.4 | 3.2 | 3.0 | 9.9 | 70.4 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 27,850 | 28,732 (1,249) | 147,339 (6.5) | 0.0 | 11.2 | 9.3 | 37.5 | 22.1 | 20.5 | 2.1 | 1.7 | 6.9 | 5.8 | 7.6 | 73.5 |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 18,841 (0.8) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | -0.4 | -3.1 | 18.4 | 43.9 | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 111,328 (4.9) | 21.0 | 25.6 | 24.4 | 15.8 | 8.6 | 8.6 | 2.1 | 2.0 | -1.5 | -4.0 | -0.2 | -8.8 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 56,647 (2.5) | 14.2 | 22.1 | 19.0 | 9.1 | 10.9 | 12.6 | 2.1 | 1.9 | -4.8 | -5.0 | 6.0 | 72.9 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 894,292 (39.4) | 55.4 | 24.9 | 22.3 | -3.2 | 17.3 | 17.7 | - | - | 0.2 | 6.1 | 24.0 | 122.3 |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 408,372 (18.0) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -2.0 | -0.3 | 17.1 | 149.1 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 216,668 (9.6) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | -3.4 | -1.3 | 20.0 | 88.0 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 17,211 | 5,734 (249) | 597,401 (26.3) | 27.2 | 16.5 | 28.0 | 36.3 | - | - | 5.5 | 5.0 | 0.7 | 7.5 | 44.6 | 302.1 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 323,823 (14.3) | 42.1 | 18.1 | 16.9 | 4.0 | 32.8 | 34.0 | 5.5 | 5.3 | 0.1 | -3.1 | -4.8 | -20.8 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 17,704 (0.8) | 36.9 | 26.4 | 21.7 | 7.3 | 20.3 | 22.5 | 4.9 | 4.4 | 0.5 | -1.2 | 7.3 | -13.8 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 95,100 | 111,712 (4,855) | 197,040 (8.7) | 16.5 | 51.0 | 28.9 | -51.9 | 23.7 | 22.4 | 9.0 | 6.9 | 1.7 | -2.7 | 7.0 | 68.6 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 98,248 (4.3) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -6.9 | 12.8 | 11.7 | -42.5 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 109,562 (4.8) | 11.0 | - | 35.9 | -88.5 | 0.4 | 16.2 | - | - | 0.2 | 0.8 | -2.9 | 2.4 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 231,304 (10.2) | 10.8 | 27.9 | 19.5 | -57.0 | 9.3 | 12.5 | 2.4 | 2.2 | -3.1 | -9.0 | -3.1 | 47.7 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 236,548 (10.4) | 38.4 | 51.3 | 16.2 | 65.7 | 3.1 | 8.4 | 1.6 | 1.5 | -6.9 | 10.1 | 39.6 | 28.5 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 140,784 (6.2) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | -6.9 | -5.3 | 20.9 | 167.2 |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 17,224 | 10,411 (452) | 611,327 (27.0) | 37.7 | - | - | -13.2 | 12.1 | 12.7 | - | - | -7.0 | 9.6 | 93.3 | 164.5 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 48,170 (2.1) | 3.6 | 34.8 | 16.9 | -52.4 | 1.8 | 3.7 | 0.6 | 0.6 | -4.9 | -5.6 | -2.8 | -11.8 |
| | REE | REE | 59,600 | 18,419 (800) | 49,482 (2.2) | 0.0 | 11.3 | 9.1 | -4.5 | 13.2 | 14.6 | 1.4 | 1.3 | -3.9 | 10.5 | 15.1 | 31.8 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND triệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 214,700 (9.5) | 46.1 | 20.8 | 16.2 | -17.5 | 19.3 | 22.9 | 3.9 | 3.5 | -3.7 | - | -8.9 | 17.9 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 30,927 (1.4) | 31.4 | 11.8 | 9.9 | -10.5 | 11.6 | 17.1 | 1.4 | 1.4 | -5.3 | - | -7.8 | -13.0 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 6,937 (0.3) | 34.1 | 14.9 | 12.7 | -5.1 | 9.5 | 11.3 | - | - | -0.4 | -6.1 | -1.1 | -8.0 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 1,740,948 (76.7) | 18.0 | 6.5 | 6.6 | 21.9 | 42.5 | 30.0 | 2.3 | 1.7 | 1.4 | -9.2 | - | 58.4 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 328,076 (14.5) | 36.5 | 8.9 | 11.2 | -0.5 | 25.8 | 17.6 | 1.9 | 1.7 | 1.1 | - | -0.1 | 147.3 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 295,890 (13.0) | 46.5 | 18.6 | 18.0 | -4.5 | 18.2 | 16.8 | 2.7 | 2.5 | -2.5 | -9.8 | 5.4 | 150.0 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 461,594 (20.3) | 38.9 | 5.7 | 6.2 | 67.9 | 26.1 | 19.2 | 1.3 | 1.1 | 2.4 | - | - | 90.7 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 162,984 (7.2) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | -5.1 | -9.8 | 2.8 | 26.8 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 160,353 (7.1) | 4.6 | 19.0 | 16.6 | -51.0 | 16.3 | 17.3 | 3.0 | 2.9 | -5.9 | -7.0 | 5.7 | 2.4 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 23,400 | 9,854 (428) | 282,764 (12.5) | 39.9 | 482.3 | 26.1 | -11.9 | 0.0 | 3.4 | 0.8 | 0.8 | -6.8 | - | -2.9 | 63.9 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 137,865 (6.1) | 35.9 | 10.8 | 9.5 | 1.2 | 14.6 | 14.9 | 1.4 | 1.3 | -6.1 | - | -6.9 | 64.3 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 195,296 (8.6) | 0.0 | 20.5 | 15.6 | 13.7 | 24.6 | 27.8 | 4.5 | 3.9 | -0.3 | -0.6 | 8.6 | 74.9 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 76,667 (3.4) | 0.0 | 25.5 | 17.7 | 2.4 | 18.4 | 23.2 | 4.2 | 3.6 | 1.7 | -6.1 | 5.1 | 28.4 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 12,590 (0.6) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -5.2 | -6.2 | 13.8 | -62.4 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 28,200 | 2,227 (097) | 91,045 (4.0) | 30.3 | 35.9 | 24.6 | -75.2 | 10.2 | 13.7 | 3.4 | 3.1 | -5.3 | -5.6 | 17.2 | 74.7 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 89,525 (3.9) | 34.6 | 23.4 | 9.7 | 41.2 | 13.3 | 29.8 | 2.9 | 2.5 | -6.9 | -2.0 | 18.2 | 9.2 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 3,385 (0.1) | 45.4 | 17.9 | 16.9 | 10.7 | 19.9 | 19.3 | 3.3 | 3.0 | -1.3 | -4.6 | 0.2 | -5.3 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | 228 (0.0) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | -7.0 | -5.3 | -9.2 | -2.1 |
| IT | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 207,256 (9.1) | 0.0 | 20.5 | 17.4 | 15.5 | 24.2 | 25.6 | 4.5 | 4.1 | -0.3 | -2.4 | -1.2 | 84.9 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

